TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 02 - 2026
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2026/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp BH, xã QP, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096087007560 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/01/2023. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Bé T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096189006801 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/01/2023. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Bé T thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị chung sống vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cự cãi và ly thân cách đây khoảng 01 năm. Anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bích T, sinh ngày 01/12/2008 và cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/7/2011, đang sống cùng chị T. Anh chị thống nhất giao hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh P, chị T chung sống năm 2005 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T.

[2] Về con chung, xét thấy: Cháu T và cháu N đang sống chung chị T từ khi anh P, chị T ly thân đến nay, cuộc sống của hai cháu đã ổn định và có nguyện vọng sống cùng chị T. Anh P, chị T thống nhất giao hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Bé T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích T, sinh ngày 01/12/2008 và cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/7/2011 cho chị Nguyễn Bé T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), anh P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001151 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng